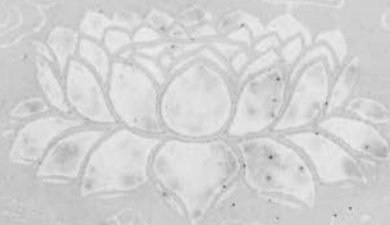


VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOẢNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

圓音



Năm thứ 8 — số 86 Ngày 27-11-49 (Mùng 8-10 Kỷ-Sửu)

Phật lịch 2512

MỤC LỤC

Đạo cấp cứu	TRÍ-QUANG
Mục đích Đạo-Phật	KIM-SƠN
Bất diệt trong sinh diệt	TRÍ-ĐỨC
Kinh học: Kinh thủ lăng-nghiêm . . .	THÍCH-THIỆN-SIÊU
Bài-giảng: Phương pháp tu-hành hằng ngày của người Phật-tử . . .	THÍCH-KIM-SƠN
Truyện Ký: Đại-sur ĐẠO AN	THUYỀN-MINH
Dịch thuật: Vài đặc điểm của Phật-giáo	MINH-CHÂU
Những mẫu chuyện đạo	MINH-CHÂU
Thư tín	VIÊN-ÂM

Kỳ này vì nhiều bài, nên bài luận học « A-ĐÀ-NA-THỨC » kỳ sau sẽ tiếp. Xin đọc giả hoan-hỷ.



Đạo Cấp Cứu

TRÍ QUANG

Trong kinh TRUNG A HÀM, đoạn TIỀN DỤ, đức Phật có thí dụ một cách thống khoái như thế này :

Như một người trúng tên độc, tính mệnh người ấy chỉ còn bằng hơi thở. Trước kẻ khốn nạn ấy, người làm thầy thuốc khôn khéo là phải cấp tốc nhổ tên độc ra và đặt thuốc vào.

Nếu ông thầy thuốc nọ bảo : Hãy khoan, đề tôi phải xét xem người bị tên độc này tên họ gì, thuộc giòng giống nào, thân thể hình sắc tốt xấu cao thấp ra sao đã. Khoan nhổ tên ! Đề tôi phải tìm xét cái cung bắn tên này làm bằng tre, bằng gỗ, bằng sừng, hay bằng đồng ? Giây cung là da bò, da trâu, hay giây sợi ? Còn phải xét xem cái tên này làm bằng gì, chuôi tên ra sao, và mũi tên làm bằng chất gì trong các loại kim khí. Ấy, lại còn phải xét xem đầu mũi tên tẩm chất độc gì. Và, còn nữa, tôi còn phải tìm cho ra kẻ bắn tên này tên họ chi, ở đâu đến. Nhưng, chưa hết, còn phải kiếm thức ăn ngon ngọt như sữa bò, sữa dê, phải sắm chỗ nằm êm dịu như giường nệm mềm mùng, và đặt trong nhà lầu cao rộng cho bệnh nhân nằm đã mới chữa được.

Nếu ông thầy thuốc như thế thì người bệnh nguy cấp kia đã chết từ bao giờ rồi.

Đó là một thí dụ Phật-dà dùng để đáp lại lời chất vấn của một đệ-tử hỏi tại sao Ngài chủ trương gác lại không nghị luận những vấn đề phụ thuộc mà chỉ chú trọng vấn đề TÂM BỊNH CON NGƯỜI. Và Ngài kết luận rằng : Cái gì không phải phạm-hạnh, không đi đến trí-giác, thì tôi nhất quyết không nói.

Phật-Giáo thật là Đạo-Cấp-Cứu vậy.

Tất cả tổ chức xã hội đều do Con Người phát sinh, và đều phát sinh vì Con Người. Nhân lực Con Người chi phối toàn diện xã hội. — Con Người là căn bản của xã hội vậy. Cho nên Con Người phải được cấp cứu những bệnh tật gian ác, giai cấp, vị kỷ, độc tài đi, mới có thể kiến thiết một xã-hội-mới bền vững. Nếu Con Người bị bỏ rơi mà chỉ tùy trần trục ảnh theo những vấn đề phụ thuộc như kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa trước hết thì Con Người đã chết từ bao giờ trước khi những thứ ấy thành công. Và không biết có thành công được không, vì căn bản của nó là Con Người đã không còn nữa.

Mà Phật-Giáo là Đạo cấp cứu Con Người, căn bản của Xã-Hội-Mới, vậy. Cái nghĩa vụ vô thượng của Phật-Giáo là ở đó. Cái giá trị bất diệt của Phật-Giáo là ở đó.

MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT

*Chúng tôi toát yếu lại đây bài giảng cho
Thanh niên Phật-tử để các độc giả cùng rõ.*

KIM-SƠN

I. — Lý thuyết đạo Phật.

A. — Vũ trụ và nhân sinh chỉ là những hiện tượng
toán cọng, vì

1) Về tính cách không gian, chỉ là những « hòa-hợp-
giả » do cọng các điều kiện nhân duyên lại mà có.

2) Về tính cách thời gian, chỉ là những « tương-tục-
giả » do cọng các trạng thái sinh diệt lại mà thành.

B. — Chúng ta tạm giải thích hai sự thật ấy bằng
hai đồ dưới đây :

1) Gỗ + Đinh + Sơn + Công + Ý niệm vuông + Ý
niệm dài + Ý niệm cứng + Ý niệm đề viết = BÀN. (về
không gian)

2) Sinh — Diệt : Sinh — Diệt = BÀN. (về thời gian)

Đó là giải thích một hiện tượng. Còn sự chuyển biến
từ hiện tượng này qua hiện tượng khác thì :

1) Cây + Chặt + Cưa + Đóng = BÀN. (về không gian)

2) Sinh — Diệt^A : Sinh — Diệt^B = BÀN. (về thời gian)

C. — Vậy nên đạo Phật kết luận :

1) Về không gian, vạn hữu là vô ngã : không có cái thật về mặt ngang.

2) Về thời gian, vạn hữu là vô thường : không có cái thật về mặt dọc.

II. — Nhận định của lý thuyết ấy.

A. — Bởi sự thật của vũ trụ và nhân sinh là như thế nên đạo Phật nhận định rằng :

1) Vạn hữu không phải là cố thể, mà là có thể chuyển biến cải tạo.

2) Vạn hữu là vũ trụ người, vậy hết thảy đều chuyển biến theo năng lực hoạt động của người.

B — Chính vì lý do đó mà, dưới con mắt đạo Phật, Người là vô thường, vì :

1) Bản thể con người bản lai sáng suốt, đầy đủ mọi khả năng quý báu.

2) Người là trung tâm điểm của mọi vấn đề : mọi vấn đề đều do người phát sinh và đều phát sinh vì người.

C. — Bởi nhận định như vậy nên đạo Phật không thừa nhận và cực lực bài xích hai tà chấp sau đây :

1) Vũ trụ bị chi phối bởi ý hướng của một đấng, con người cũng do ý hướng ấy bài định.

2) Vũ trụ và con người bị hoàn cảnh chi phối: hoàn cảnh quyết định con người.

III. — Xu hướng của lý thuyết ấy.

Bởi lý thuyết và nhận định như vậy, nên đạo Phật chú trọng ba điều chính sau đây. Hay nói một cách khác, ta có thể xem 3 điều này là đại thể phương châm hành động của đạo Phật. Ba điều ấy là :

- 1) Bồ đề-tâm mà nguyên nhân.
- 2) Đại-bi làm căn bản
- 3) Phương-tiện làm cứu cánh.

A. — BỒ ĐỀ TÂM : tâm chí cao rộng. Tâm chí ấy có hai xu hướng :

- 1) Phồ biếu : nguyện bình đẳng lợi ích cho tất cả ;
- 2) Hướng thượng : quyết đưa mình và tất cả tiến lên đỉnh chót của tiến hóa : trí giác vô thượng.

B. — ĐẠI BI : tại sao có chí cao cả ấy ? Là vì lòng thương bao la. Đại bi là lòng thương thấy mình và người đồng một thể.

C. — PHƯƠNG TIỆN : muốn thật hiện lòng thương trên, thì phải có phương tiện. Nhưng phương tiện là gì ? Ta có thể cắt nghĩa một cách thô sơ rằng phương tiện

là PHƯƠNG PHÁP THÍCH HỢP. Bởi vậy mà phương tiện cốt cần động cơ và mục đích, còn thủ đoạn thì phải dùng cả thuận hành nghịch hành.

IV. — Mục đích đạo Phật

Bởi lý thuyết và xu hướng của đạo Phật như thế, nên mục đích đạo Phật có hai điểm :

A. — Đào luyện cho con người có ba đức tính : bi, trí và dũng.

1) BI : cố nhiên nó là một lòng thương sáng suốt, nhưng thiệt ra chính là sự tôn trọng sự sống và quyền sống của tất cả.

2) TRÍ : sáng suốt. Nhưng thế nào gọi là sáng suốt ? Cuộc sống của con người, của vạn hữu biến thái vô cùng ; sự nhận thức sát đúng với sự sống ấy, sáng tạo sự sống ấy cho sáng sủa, mới là trí.

3) DŨNG : quả cảm hành động, sự hành động kích thích bởi BI và hướng dẫn bởi TRÍ.

B. — Nâng cao sự sinh hoạt loài người đến một trình độ khả quan, và cuối cùng là đưa người đến trí giác vô thượng. Riêng xã hội loài người, tuy đạo Phật không thừa nhận tính cách chân thật của nó, nhưng thừa nhận giá trị tương đối, và nâng cao giá trị ấy.

V. — Tính cách của mục đích ấy

Tất cả xu hướng và mục đích của đạo Phật chúng ta thấy có hai tính cách :

A. — *Đạo Phật rất tôn trọng sự sống.* Nhưng tất cả tổ chức gì ở đời này lại không tôn trọng sự sống? Chỉ khác ở chỗ đồng mục đích ấy mà đạo Phật phụng sự sự sống triệt để còn các tổ chức khác đã xâm phạm sự sống nhiều. Lịch sử quá khứ, xã hội hiện tại, và xu thế tương lai của loài người chứng minh điều đó.

B. — *Đạo Phật lấy người làm trung tâm điểm của xã hội người.* Nhưng đạo Phật phủ nhận sự xu hướng vị ngã của cá nhân. Đạo Phật phát triển đại ngã của NGƯỜI. Thành thử chỗ này khác với tổ chức thế gian là một bên thì đạo Phật làm cho con người phóng triển tự kỷ ra bao trùm tất cả, còn một bên tất cả tổ chức khác lại làm cho con người lợi dụng tất cả để đem về bồi đắp tự kỷ.

**ĐEM THÂM TÂM PHỤNG SỰ CHÚNG SINH
LÀ BÁO ĐÁP HỒNG AN CHƯ PHẬT.**

Kinh Lăng Nghiêm

Bất diệt trong sinh diệt

THÍCH TRÍ ĐỨC

Trong LĂNG NGHIÊM, vua Ba Tư Nặc bạch Phật:

— Bạch đức Thế Tôn ! Ngày trước, khi chưa gặp Ngài, tôi thường nghe các ngoại đạo nói thân này chết rồi mất hẳn. Và như thế gọi là niết bàn. Đến nay tuy gặp Phật, đối với vấn đề ấy tôi vẫn chưa thể giải quyết cách nào cho khỏi trái với Tâm Tánh bất sinh diệt ?

Phật dạy:

— Nhân già ! Cái thân thể của ông đó có thường còn không tiêu diệt không ?

— Bạch đức Thế Tôn ! Phải tiêu diệt.

— Ông chưa chết sao biết sẽ tiêu diệt ?

— Vì thân tôi tuy chưa chết nhưng tôi xé thấy nó thay đổi mãi mãi như lửa đốt củi thành than, than tiêu ra tro, cho đến tan mất.

— Chính vậy, Nhân già ! Nhưng ông già yếu như thế đáng mạo hiểm giờ có giống lúc còn nhỏ không ?

— Bạch đức Thế Tôn ! Giống thế nào được ! Khi nhỏ tôi tươi trẻ mà nay già cả thì tóc bạc mặt nhăn. . .

— Nhưng đột nhiên thay đổi như thế chẳng ?

— Bạch đức Thế Tôn ! Nó ngấm ngấm thay đổi, tôi không hề biết. Khi 20 khác lúc 10 tuổi, khi 30 lại suy hơn

20; đến bảy giờ 62 tuổi, ngó lại lúc 50 thì lúc ấy cường tráng nhiều. Nhưng đó là kẻ trong từng chục năm, chứ thật suy xét kỹ càng thì nó thay đổi trong từng phút từng giây và rồi đây sẽ điều tàn. ..

— Nhân giả! Ông xét thân thể ông biến hóa không ngừng và sẽ tiêu diệt như thế, nhưng ông có biết trong cái thân sinh diệt ấy có cái gì bất sinh diệt không?

— Bạch đức Thế Tôn! Thật tôi không biết.

— Nhân gia! Ông bắt đầu thấy nước sông Hằng lúc mấy tuổi?

— Bạch đức Thế Tôn! Khi 3 tuổi, mẫu thân tôi dắt đi bái yết đền trời Kỳ bà, bấy giờ đi ngang qua sông Hằng tôi đã trông thấy nước sông ấy.

— Ông vừa nói thân thể ông thay đổi rõ ràng nhất là trong hằng chục năm. Vậy khi 3 tuổi ông thấy nước sông Hằng với 43 tuổi thấy nước sông ấy, hai cái thấy đó có khác gì nhau không?

— Bạch, không! Cho đến nay 62 tuổi rồi mà sự thấy vẫn cũng như thế

— Nhân giả! Ông lấy làm lo lắng khi thấy thân thể ông tóc bạc mặt nhăn, khi già khác lúc trẻ. Nhưng cái thấy thấy nước sông Hằng đó có trẻ già thay đổi như thân thể ông không?

— Bạch, không! Cái thấy ấy lúc nhỏ cho đến bảy giờ đây không sai biệt gì cả.

Phật dạy:

— Nhân giả! Mắt ông tuy nhăn mà tánh thấy (kiến tính) chưa khi nào nhăn. Hễ cái gì nhăn thì quyết phải biến

đời, còn cái gì không nhân thì cái ấy quyết định bất biến. Cái gì biến đời thì phải tiêu diệt, còn cái gì không biến đời thì vốn bất sinh diệt. Cái đã không sinh diệt thì đàu có bị sinh từ lưu chuyển. Sao ông không tự giác bản tánh bất sinh diệt ấy mà dẫn cau chết rồi mất hẳn của bọn đoạn kiến ngoại đạo để tự nghi hoặc.

Vua Ba Tư Nặc nghe Phật đã khai thị như thế, liền giác ngộ bỏ thân thì thọ thân, chứ không khi nào mất hẳn.

. . .

Như một người ngồi trên chiếc đồ, đồ đi mà thấy và cho rằng bò chạy. Cũng như thế. Người ta chỉ nhìn mình hoàn toàn với con mắt sinh diệt. Người ta đã tự phủ nhận giá trị của mình vậy.

Đạo Phật, trái lại, lại phát huy cho ta thấy trong cái thân thể sinh diệt vô thường có cái bản tánh vô thường bất sinh diệt. Đạo Phật đã phát huy bản tánh ấy bằng cách căn cứ ngay nơi giác quan thô cạn chứ không xa xuôi đâu khác. Và khi nói đến bản tánh bất sinh diệt ấy, thì Đạo Phật đã dùng vô số danh từ rất cao đẹp.

Thật ra, chúng ta bất lực, tư tưởng hành động bị « vô minh » chi phối, là vì chúng ta không tự ngộ bản tánh ấy. Nếu giác ngộ tánh bất diệt trong sinh diệt thì toàn thể sinh diệt là bất diệt vậy.

Và cuộc đời chúng ta sẽ hiện thân của Từ bi, sẽ rạng ngời ánh Tri tuệ, nếu chúng ta luôn luôn sống với bản tánh bất diệt trong cuộc đời sinh diệt.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

THÍCH THIỆN-SIÊU

DIỄN NGHĨA (tiếp theo)

Bấy giờ Quán-Thế-Âm bồ tát từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Phật và bạch rằng : Bạch đức Thế-Tôn ! Tôi nhớ vô số kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Quán-Thế-Âm, tôi từ nơi đức Phật ấy mà phát tâm Bồ-đề, và ngài dạy tôi từ nghe, suy nghĩ, tu tập vào Tam-ma-địa.

Tôi vâng lời Phật dạy, ban đầu từ tánh nghe đề tâm quán nhập, xa bỏ ngoại trần, trần sở nhập (đối với căn là năng nhập) đã yên tĩnh, thì hai tướng động tịnh trọn không phát sinh. Như vậy lần lửa tăng tiến, năng văn sở văn đều hết ; năng văn sở văn hết mà không trú nơi đó nên năng giác sở giác cũng không ; không giác cùng tột viên mãn nên năng không sở không toàn diệt : tướng sinh diệt đã hết thì tánh tịch diệt hiện bày, bỗng nhiên vượt khỏi thể xuất thể gian, soi tỏ mười phương, được hai món thù thắng : Một là trên hợp với bốn-diệu-giác-tâm của mười phương

Chư Phật, cùng Chư Phật đồng một sức Từ, cứu độ chúng sinh ; hai là dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo, cùng chúng sinh đồng một lòng Bi ngưởng, bi ngưởng Vô-thượng-bồ-đề.

Bạch đức Thế-Tôn ! Bởi tôi cúng dường đức Quán Âm Như Lai nhờ ngài trao dạy pháp Như-huyền-văn-huân-văn-tu-kim-cang-tam-muội, và vì đã cùng Chư Phật đồng một sức Từ, nên tôi tự hay thành tựu 32 ứng thân hiện vào các quốc độ :

Nếu có các Bồ tát nào vào Tam ma địa, tinh tấn tu hành đạo nghiệp vô lậu, mà tánh giải thoát được hiện tiền viên mãn, thì tôi hiện thân Phật-dà vì họ nói Pháp, khiến đặng giải thoát.

Nếu có hàng Hữu học cầu đạo tịch tịnh diệu minh, mà tâm thẳng diệu được hiện tiền viên mãn, thì tôi với trước người kia hiện thân Độc giác vì họ nói Pháp, khiến được giải thoát.

Nếu có hàng Hữu học cầu đoạn trừ 12 nhân-duyên, do 12 nhân duyên đoạn trừ mà thẳng tánh tỏ bày viên mãn, thì tôi với trước người kia hiện thân Duyên giác vì họ nói Pháp, khiến đặng giải thoát.

Nếu có hàng Hữu học cầu chứng được tánh Không của tứ đế, tu đạo chứng diệt mà thẳng tánh viên mãn

hiện bày, thì tôi với trước người kia hiện thân Thanh văn vì họ nói Pháp, khiến đặng giải thoát.

Nếu có các chúng sinh muốn tự tâm đặng minh ngộ, không phạm vào dục trần mà thân thể thanh tịnh, thì với trước người kia tôi hiện thân Phạm vương vì họ nói Pháp, khiến đặng giải thoát.

Nếu có các chúng sinh muốn làm vị Thiên-chủ thống lãnh chư thiên, thì với trước người kia tôi hiện thân Đế Thích vì họ nói Pháp, khiến đặng thành tựu.

Nếu có các chúng sanh muốn thân được tự tại dạo đi khắp 10 phương, thì với trước người kia tôi hiện thân trời Tự tại vì họ nói Pháp, khiến đặng thành tựu.

Nếu có các chúng sinh muốn đặng tự tại bay đi giữa hư không, thì với trước người kia tôi hiện thân trời Đại tự tại mà vì họ nói Pháp, khiến đặng thành tựu.

Nếu có các chúng sinh muốn thống lãnh các quỷ thần, cứu hộ cõi nước thì với trước người kia tôi hiện thân Thiên đại tướng quân vì họ nói Pháp khiến đặng thành tựu.

Nếu có các chúng sinh ưa thống lãnh thế giới, bảo hộ chúng sinh thì với trước người kia tôi hiện thân Tức thiên vương, vì họ nói Pháp khiến đặng thành tựu.

Nếu có các chúng sinh ưa sinh về thiên cung đề xu sử các quỷ thần thì với trước người kia tôi hiện thân thái tử của Tứ thiên vương mà vì họ nói Pháp khiến đặng thành tựu.

(ĐẠI-Ý)

PHẬT GẶP HỎI CHO CHÚNG NGỘ ĐỀ LỰA CHỌN CĂN
VIÊN THÔNG THÙ THẮNG (tiếp theo).

Nhi-Căn Viên-Thông.

Bồ-Tát Quán Thế Âm, một danh hiệu ấy, phổ biến cả mười phương trong muôn loài, còn mấy ai mà chẳng nghe chẳng biết! Như thề cũng đủ tỏ tâm đại bi, đức cứu độ của Bồ-tát lớn lao biết chừng nào!

Nhưng sao lại gọi bằng danh hiệu Quán Thế Âm? Ở nơi chúng sanh thì biết đặng tiếng tăm là do nghe, biết đặng màu sắc là do thấy v.v.... đã thành một định tượng không thể chuyển đổi qua cách khác là nghe sắc thấy tiếng được. Trái lại, Bồ Tát tu hành, cũng đồng trong sự nghe tiếng đó mà không chịu theo thanh trần giả dối, vọng tưởng đảo điên, không để tâm bị hôn mê theo căn và cảnh, mà chỉ chú tâm suy tầm tánh nghe chơn thật: không

sanh không diệt, viên chiếu mười phương, lúc ngủ cũng như lúc thức, khi động cũng như khi tĩnh, chẳng có lúc nào gián đoạn tánh nghe, cho nên cũng không một tiếng gì không tỏ rõ. Tiếng của muôn loài từ ngàn phương đưa đến đều hiện bày trong tâm trí viên minh của Bồ Tát và hợp với trí ấy, còn có nguyên lực đại bi, cho nên trong mười phương hề có chúng sanh nào nhứt tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-Tát thì Bồ Tát liền quán biết, quán biết thì liền giải thoát. Lẽ cảm ứng tự nhiên không thể nghĩ nghĩ đặng.

Nếu xét kỹ chỗ nhân địa tu hành của các vị Bồ tát, thì đều phải phát tâm bồ đề tu theo Phật Giáo, trải qua sự nghe học, sự suy nghĩ, sự tu tập, vậy sau mới đầy đủ căn bản trí, hậu đắc trí mà chứng thành quả vị diệu giác. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng thế. Nhưng có khác chẳng là chỉ khác nơi pháp môn phương tiện mà thôi. Hai mươi bốn vị thanh trước mỗi vị do mỗi pháp môn mà tu chứng Viên Thông. Ở đây Ngài Quán Thế Âm do tu nhĩ căn mà chứng ngộ. Trong sự tu hành này, trước hết ly trần, rồi thoá căn, rồi tận giác, rồi diệt không, mà sau chơn tánh tịch diệt của nhu-lai-tạng mới đặng hoàn toàn hiện rõ.

Trong chánh kinh từ câu « ban đầu từ trong tánh nghe » đến câu « trọn không phát sanh » ấy là ly trần. Thường khi sáu căn chưa đặng thanh tịnh thì hay bồn lưu theo dõi 6 trần, càng đi càng xa như nước ra khỏi nguồn phân lưu các chỗ, đến khi chuyên tâm tu tập thì ngừng sự bồn lưu ấy, không để cho cái nghe phát động ra ngoài mà bắt quay về nghe theo, quán sát căn tánh, vậy nên trước hết viên ly trần cảnh ; dù có tiếng vang gọi là cảnh động đã không

làm cho tâm xao ly, mà dù như khi tịnh tâm không có tiếng vang gọi là tướng tịnh, tâm cũng không hề duyên niệm theo.

Câu « như vậy lần nữa tăng tiến, năng văn sở văn, đều hết ». Ấy là thoát căn. Hai tướng động, tịnh ở trên thuộc về cảnh, đã viên ly được cảnh rồi thì cứ như vậy mà tu tiến mãi mãi tất thoát khỏi văn căn. Vì cảnh trần sở văn đã hết thì căn năng văn trở thành vô dụng mà bị tiêu diệt vậy.

Câu « Năng văn sở văn hết mà không trú ở đó thì năng giác sở giác cũng không », ấy là tận giác. Năng giác tức là trí tuệ giác ngộ, sở giác tức là cái tướng năng văn sở văn đã hết trên kia (nên cũng gọi là tận văn). Đến khi tận văn thì vọng tình đã tiêu diệt, chỉ còn có tánh trí tuệ giác ngộ. Nhưng nếu còn có năng giác tất nhiên cũng có sở giác, còn năng còn sở thì chưa phải tánh giác viên diệu minh, cho nên khi tận văn rồi lại không có năng giác sở giác.

Câu « Không giác cùng tột viên mãn thì năng không sở không toàn diệt », ấy là diệt không. Sở không là chỉ cho cái không đã nói trên. Khi định không rồi cũng không chấp nơi không tướng, vì nếu còn sở không tất có trí năng không đối đãi, chưa phải là tánh viên diệu chơn không của bản giác.

Tóm lại, từ mới khởi công phu tu tập đến đây trước do thô sau mới đến tế, nhưng cũng đều ở trong tướng sanh diệt cả. Như tướng động tịnh diệt thì văn căn sanh, văn căn diệt thì giác tuệ sanh, giác tuệ diệt thì không tướng sanh, mà như-lai-tạng tánh hay niết-bàn-diệu-tâm không phải là tướng sanh diệt ấy, cho nên sau khi năng không, sở không, ngã không, pháp không rồi

mà tướng cụ không ấy cũng không nữa mới hiển hiện tánh chơn tịch diệt của như-lai-tạng một cách đầy đủ.

Vả chẳng tánh chơn tịch diệt là đồng thể của chúng sanh và Phật, chư Phật thì thường an trú trong tánh ấy, Bồ-tát thì chứng nhập tánh ấy mà chúng sanh thì mê lầm tánh ấy. Nhưng vì là đồng thể cho nên đến khi Bồ-tát chứng được thì liền phát sanh diệu dụng thù thắng. Nói rộng ra là có 32 ứng thân, 14 món vô úy, 4 món diệu dụng bất tư nghị, mà nói tóm lại thì có 2 món thù thắng : một là được từ lực đồng với chư Phật và, hai là tâm bi ngưỡng đồng với chúng sanh. Vì chúng bốn giác tâm cùng Phật đồng thể nên hay đồng một từ lực, vì chúng bốn giác-tâm cùng chúng sanh đồng thể nên hay đồng một bi ngưỡng. Cho hay từ lực do tâm bốn giác phát ra mà lòng bi ngưỡng cũng từ nơi tâm bốn giác huân tập, thành Phật do đó, độ sanh do đó, mà Bồ-tát thành tựu 32 ứng thân khắp các căn cơ để giáo hóa cũng do đó vậy. 32 ứng thân là :

1) Hiện thân Phật-đà để nói pháp viên dẫn Phật thừa giáo hóa hạng người tu Bồ-tát mà chơn trí vô lậu chưa hoàn toàn phát hiện, tuy đã nhập tam ma địa rồi nhưng chưa phải hết tu.

2) Hiện thân Độc giác nói pháp vô thường vô ngã ám chỉ Phật thừa để giáo hóa các hàng hữu học có tâm ưa ở chỗ nhân tịch, cầu tự nhiên diệt.

3) Hiện thân Duyên giác nói pháp thập nhị nhân duyên lưu chuyển và hoàn diệt để giáo hóa hàng hữu học có tâm mong đoạn trừ 12 nhân duyên thoát khỏi sự sanh tử luân hồi trong ba cõi.

4) Hiện thân Thanh văn nói pháp sanh diệt tứ đế, vô sanh tứ đế, vô lượng tứ đế, vô tác tứ đế, để giáo

hóa hàng hữu học có tâm mong cầu chứng tánh chơn không của tứ đế, nhập tịch diệt niết bàn.

Tóm lại, trên đây là hiện thân về tứ thánh đề thành tựu cho những người tu tập pháp xuất thế gian.

5) Hiện thân Phạm vương nói pháp ly dục cho những chúng sanh mong được thân tâm trong sạch không phạm đến ngũ dục.

6) Hiện thân trời Đế Thích nói pháp thập thiện cho những người muốn làm thiên chủ, thống lãnh chư thiên.

7) Hiện thân trời Tự tại hay Tha hóa tự tại thiên ở chót cõi Dục) để nói pháp cho những chúng sanh muốn có thần thông tự tại đi khắp mười phương.

8) Hiện thân trời Đại-tự-tại (hay Ma-hê-thủ-la-thiên ở chót cõi Sắc) để nói pháp giáo hóa cho những chúng sanh muốn có thần thông bay đi giữa hư không, chẳng bị chướng ngại.

9) Hiện thân Thiên đại tướng quân (hay Vi đà thiên tướng, thần tướng của Đế Thích) để nói pháp giáo hóa cho những chúng sanh có tâm muốn thống lãnh qũy thần, cứu hộ các quốc độ.

10) Hiện thân tứ Thiên vương để nói pháp giáo hóa cho những chúng sanh có tâm thống trị thế giới bao hộ chúng sanh.

11) Hiện thân Thái tử của tứ Thiên vương để nói pháp giáo hóa cho những chúng sanh ưa sanh ở thiên cung, xu sử tất cả qũy thần.

Bấy ứng thân trên đều hiện về thân cõi trời, các cõi trời trong Dục giới phần nhiều đều lấy pháp thập thiện làm căn bản, rồi tùy theo chỗ tu thập thiện hơn kém mà cảm báo thân khác nhau, nên Bồ tát cũng tùy đó nói pháp thập thiện sâu cận đề giáo hóa.

PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH

hằng ngày của người Phật tử

THÍCH KIM-SƠN

Hôm nay gác lại tất cả các lý thuyết như-thật và những phương pháp cao sâu của Phật-giáo, chúng tôi muốn trình bày cùng các đạo-hữu một vài điều mà chúng ta phải thật hành trong hằng ngày. Khi nói đến những điều này là nói việc làm, không phải nói lý-thuyết nữa. Cho nên chúng tôi trông mong các đạo hữu cố gắng áp dụng những điều trình bày sau đây trong sự sống hằng ngày của mình. Phải xem là nếu thiếu những điều này thì cuộc sống của chúng ta trong hằng ngày sẽ vô ý nghĩa như dạ dày đến bữa ăn không có cơm cháo để tiêu thụ.

Một điều nữa mà chúng tôi phải trình trọng nói thêm là, những điều sau đây không riêng chỉ các đạo hữu thành niên hoặc tuổi tác mới thật hành, mà những điều này các thiếu nhi Phật tử lại càng phải làm theo. Cho dầu các em không tự động làm được, thì các đạo hữu phụ huynh phải sẵn sóc nhắc nhở và luyện tập cho các em.

Những điều gì là điều mà chúng ta phải thật hành trong hằng ngày ?

I. — Trước hết là phải NIỆM PHẬT. Niệm Phật nghĩa là tưởng nhớ đến Phật. Phật là đấng từ bi vô lượng trí giác vô cùng, hùng lực vô biên. Chúng ta không thể tưởng niệm vô lượng vô biên từ bi, trí giác, và hùng lực

của Ngài, thì ít ra hằng ngày cũng phải chí thành tưởng niệm Phật-đà bằng cách đọc danh hiệu của Ngài. Như vậy gọi là niệm Phật.

Nhưng niệm Phật bằng cách nào? Tôi trình bày ra đây hai cách thức : một làm trong 15 phút, một làm trong 5 phút, để các Phật tử lựa chọn mà làm.

a/ CÁCH 15 PHÚT :

**Thân Phật thanh tịnh tợ lưu ly
Trí Phật sáng ngời như trăng sáng,
Phật ở thế gian thường cứu khổ :
Tâm Phật không đâu không từ bi.**

Nam mô A DI ĐÀ PHẬT (10 lần)

Nam mô QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT (3 lần)

Nam mô ĐẠI THỂ CHÍ BỒ TÁT (3 lần)

**Nam mô THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG BỒ TÁT
(3 lần)**

**Nguyện đem công đức này,
Hồi hướng cõi Cực lạc.
Nguyện tôi và chúng sinh,
Đều được Vô thượng giác.**

b/ CÁCH 5 PHÚT :

**Đại từ đại bi thương chúng sinh,
Đại hùng đại lực cứu hàm thức.**

Nam mô A DI ĐÀ PHẬT (10 lần)

**Nguyện đem công đức này,
Hồi hướng cõi Cực lạc.
Nguyện tôi với chúng sinh,
Đều được Vô thượng giác.**

Hai cách này làm lúc nào và làm ở đâu cũng được cả. Khi gánh nước, lúc nấu cơm, khi học hành, lúc chơi nhẽ, bất cứ lúc nào, hề muốn làm thì yên lặng lại nữa phút là làm được. Nhưng cái gì thường và nhất định thì có ý nghĩa và hiệu quả hơn. Vậy chúng ta nên làm vào lúc trước khi ngủ hoặc sau khi thức trong hằng ngày. Chúng tôi xin nói thêm là mỗi gia đình Phật tử nên lựa một trong hai cách trên rồi cả nhà đồng làm một cách như nhau thì hay hơn. Cho dầu nhà người nào có thiết bàn Phật và hơn nữa, mỗi tháng có tụng kinh mấy ngày mặc lòng, cách niệm Phật trên đây vẫn không thể bỏ trong hằng ngày. Ngay các vị xuất-gia cũng không khi nào bỏ.

II.— Hằng ngày mỗi khi ăn cơm thì niệm Phật một tiếng là **Nam mô A Di Đà Phật**, và nguyện ba điều :

Nguyện đoạn các điều ác,

Nguyện làm các điều thiện,

Nguyện cứu giúp chúng sinh.

rồi sẽ ăn. Hãy giữ đúng như thế sẽ có kết quả vô lượng vô biên.

III.— Trên đây là hai phương pháp thật hành trong hằng ngày, còn sau đây là những điều mà Phật tử chúng ta phải làm trong hằng tháng :

a/ Mỗi tháng phải ăn chay hai ngày vào ngày Rằm và ngày mùng Một.

b/ Mỗi tháng, cũng trong hai ngày ấy, phải đến ngôi Chùa hoặc Niệm Phật Đường ở địa phương mình mà tụng **NGHI THỨC TỊNH ĐỘ** với nhau.

Hai điều này Tổng Trị Sự hội Việt Nam Phật Học đã muốn thông bạch cho toàn thể Phật tử lâu nay. Không có lý

do gì một Phật tử mà không thật hành hai điều ấy. Nếu không thật hành, thì chúng ta nên tự xem mình không phải Phật tử nữa còn hơn.

Tại sao chúng ta phải ăn chay ? Đạo Phật rất tôn trọng sự sống, chúng ta vì sự sống mà ăn, vậy không có một lý do gì mà giết sự sống của kẻ khác loài khác để nuôi sự sống của mình. **LUẬT NHÂN QUẢ** cho chúng ta thấy rằng : Giết sự sống nuôi sự sống, thì rồi sẽ phải dùng sự sống đền trả sự sống. Nên chúng ta phải ăn chay. Dầu không ăn chay lu n luôn được thì phải ăn mỗi tháng hai ngày.

Còn mỗi tháng đi làm lễ hai buổi, đó là công tác của tín ngưỡng. Ta có thể liều chết cho tín ngưỡng, không thể xao lãng tín ngưỡng bởi duyên cớ gì hết. Bao nhiêu bổn phận nhiệm vụ khác đã có 28 ngày trong mỗi tháng.

Trên đây là chúng tôi trình bày với các Phật tử có mỗi hai việc trong hằng ngày và hai việc trong hằng tháng. Xưa nay nếu các đạo hữu chưa làm thì bây giờ tập Hãy bắt đầu sống một đời sống Phật tử mới.

Và những điều này cố nhiên chỉ ở trong phạm-vi tín ngưỡng. Chứ ngoài ra, Phật tử chúng ta còn có những bổn phận đối với gia đình và xã hội của mình nữa. Ở đây chúng tôi miễn phải nói đến những điều ấy. Chúng tôi chỉ muốn các Phật tử nhận thấy rõ ràng điều này : Con người là trung tâm điểm của mọi việc. Vậy nếu con người dở thì bất tay vào việc gì cũng có hại, trái lại, con người nếu được tắm gội trong hương hoa Chánh Pháp thì ở trường hợp nào cũng tỏa hương thơm tận cùng. Kinh nghiệm cho chúng tôi thấy những việc làm hằng ngày trên đây sẽ giúp các Phật tử điều luyện cho mình thành tựu được những đức tính Bi (thương người), Trí (sáng suốt) và Dũng (quả cảm). Những đức tánh ấy thành tựu được, dù cho

được một vài phần đi nữa, thì việc đòi làm gì cũng có kết quả ích lợi cả. Riêng đối với việc đòi trong hằng ngày, thì chúng tôi chỉ nói vắn tắt một câu là: “ các Phật tử dù gặp người nào, dù bắt tay vào làm việc gì, hãy luôn luôn nhớ, hãy luôn luôn sực tỉnh rằng TA LÀ PHẬT TỬ ”, và cố gắng để Tứ-bi cùng Trí-giác thống ngự hành động của mình là hoàn toàn lẫm rỏi.

Chúng tôi thành tâm ngưỡng nguyện Tam Bảo từ bi mật hộ cho các đạo hữu, người già cũng như người nhỏ, đều được một năng lực dũng mãnh và một sự bền chí để thực hành những điều tu hành tối thiểu trên kia. ✕

PHỤ CHÚ : *NHU THẬT* : đúng như sự thật. *PHẬT*, hay *PHẬT ĐÀ* : đấng trí giác sáng suốt. *TỪ BI* : thương xót, cứu vớt. *TRÍ GIÁC* : sáng suốt, giác ngộ. *DANH HIỆU* : tên. *THANH TỊNH* : trong sáng. *HỒI HƯỚNG* : hướng về. *VÔ THƯỢNG GIÁC* : trí giác tuyệt đối không ai bằng. *ĐẠI TỪ ĐẠI BI* : lòng thương xót rộng lớn bao la. *CHÚNG SINH* : Các loài sinh vật. *ĐẠI HÙNG ĐẠI LỰC* : hùng = hùng mạnh, lực = năng lực; hùng lực đều vô biên nên gọi là đại hùng đại lực. *HÀM THỨC* : tức là chúng sinh; vì có tri giác (nhận thức cảm giác) nên gọi là hàm thức. *TAM BẢO* : ba ngôi quý báu: 1/ Phật đà: đấng giác ngộ Sự thật; 2/ Đạt ma: Sự thật của sự vật; 3/ Tăng già: đoàn thể thật hành Đạt ma. *MẬT HỘ* : giúp đỡ vô hình. *TU HÀNH* : sửa đổi hành vi. *CỰC LẠC* : một thế-giới-hệ cực kỳ an lạc.

LẤY DỤC - VỌNG TRỪ DỤC - VỌNG

Kính A-HÀM

ĐẠI SƯ ĐẠO AN

THUYỀN-MINH

Nếu Phật giáo Trung hoa mà không có Ngài Đạo An thì có thể thành một đại quốc Phật giáo hay không, cái đó thật không ai dám quyết đoán cả.

Ngài họ Vệ, người đất Thường-sơn Phù-Liêu, bây giờ là huyện Trục lệ. Sinh từ đời Huệ đế nhà Tây Tấn, tịch năm Hiếu-vô đế 14 nhà Đông-Tấn, tức là năm 389 dương lịch. Thọ số của Ngài hơn 90 tuổi. Khi trẻ Ngài tận tụy tu học ở đất Yên đất Triệu, trung niên lưu ly hoằng pháp khắp nơi khắp chốn, về già mới ngừng thờ một lúc ở Quan trung. Truyện ký của Ngài là một thiên lịch sử rất phức tạp nhưng rất quán xuyên. Vang bóng nhân cách vĩ đại của Ngài tùy xứ phát hiện. Nền Phật giáo có Ngài cũng giống giống như các dân tộc được một danh nhân mới khai quốc, hiển chính lập pháp, gây dựng qui mô cho quốc gia.

Phá bỏ tục tánh, lấy THÍCH làm họ, phát huy và nêu cao chân tinh thần 4 bề đều anh em là Ngài Đạo An. Chế định qui điều cho Tăng Ni, thông hành toàn cõi Trung hoa, gần như định thức của muôn đời muôn cõi là Ngài Đạo An : Ngài là nhà lập pháp đầu tiên của Phật giáo Trung hoa vậy. Kinh sách đã dịch hết sức tản mác, Ngài Đạo An sưu tập quyết trạch, sáng lập mục lục, mở đầu mục lục học cho giới Phật học, công ấy còn hơn cả hậu thế. Trước Ngài, người ta thường theo văn tự mà đọc và giảng giải, còn Ngài thì tinh thông ý chỉ, chí hoằng diệu lý, bèn chú thích các Kinh Luận

hơn 16 bộ 45 cuốn, từ đó trong Phật giáo mới có cái học chú giải sớ thích thành hành hơn tất cả các học giới thế gian. Ngài Đạo An không thông chữ Phạn, nhưng đối với các bản dịch đương thời và các Kinh Sách cựu dịch, Ngài có thể phủ chính những chỗ sai lầm một cách vi diệu, sau này đem so với nguyên văn thì hết sức phù hợp : Ngài là nhà đại phê bình về phiên dịch, về văn học vậy. Ngài Đạo An chưa khi nào phiên dịch một kinh luận chi, nhưng đại qui mô của sự phiên dịch thật do Ngài sáng lập : dịch giới Trung hoa thật do Ngài khởi đầu mà thành văn đề vậy. Lại chính Ngài Đạo An là người dẫn đầu cho sự du nhập của Phật giáo nguyên thủy và Phật giáo triết lý, cho nên các kinh Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm... các luận Tỳ Bà Sa, A Tỳ Đàm... đều do Ngài chủ trì phiên dịch cả. Lại cái pháp thống huy hoàng của Ngài Phật đồ trùng cũng do Ngài Đạo-An phổ truyền. Sự du nhập Trung hoa hoàng pháp của Ngài La Thập, ông vua giới phiên dịch, cũng do Ngài đề nghị. Bao nhiêu vị pháp môn long tượng mà muôn đời ai cũng biết tiếng như Ngài Huệ Viễn, trung tâm điểm của Phật giáo giang nam, vân vân, đều là môn đệ của Ngài.

Tập-Xuân gửi thư cho Thạch-An có viết : « Tôi có đến yết kiến Ngài Thích Đạo An. Thật là một xuất trần thượng sĩ, mộ bực thù thắng. Thấy trò hơn mấy trăm người mà giảng dạy không mệt mỏi. Không biến hóa pháp thuật chi mà vẫn cảm phục được mọi người, không uy quyền thế lực chi mà vẫn hướng dẫn được quần chúng. Thấy trò tự nhiên mà tôn trọng quý báu nhau, đồng đạo hòa nhã, thật là xưa nay tôi chưa hề thấy. Ngài tánh tình giản dị, giáo lý tinh tường, học thuật biết hết, toán số đều thông, đến như diệu lý trong Kinh Luận thì không còn phải nói nữa, sự lý giải của Ngài thật như dao cắt tre...» Đây là lời tán thán mà thật là lời tả thật còn kém sự thật nữa vậy.

Ngài Đạo An trong thời loạn ly văn, thường đem đồ chúng trăm ngàn đi chuyển đây đó để tu học. Sự nghiệp một đời Ngài

hơn phần nửa trường thành trong lúc lưu ly điên bái, chung khổ chung vui với quần chúng (1). Nếu không có sức cảm hóa lớn lao của mộ nhân cách vĩ đại thì làm sao được như thế.

Trên phương diện tôn giáo, cảm tình và tiết tháo của Ngài thật bền chắc mạnh mẽ có một không hai. Người Trung hoa tín ngưỡng đức Di Lặc Từ Tôn là do Ngài khởi đầu (2) nhưng không vì thế mà Ngài giảm thái độ phê bình tìm xét về phương diện học thuật. Tín ngưỡng và Lý đoán song song tiến bước, chính vì thế mà Ngài Đạo An mới gây dựng cho Phật giáo một cơ sở vững chắc vậy.

BỊ CHỬ : (1) Truyện ký chép : Ngài Đạo An tránh nạn, ẩn ở Hộ trạch. Gặp loạn Nhiệm mán, Ngài bảo đồ chúng : năm nay hạn hán, giặc giả tung hoành, tự thì khó sống, tán thì không được». Bèn đem đồ chúng vào núi Nữ lâm khai khẩn trồng trọt mà tự túc tu học. Lại chép : Sau đó vì tránh nạn nữa, Ngài đem đồ chúng qua sông, vào núi Lạc hồn, cắt chồi dưới gốc cây, tự thực kỳ lực mà tu học. Rồi chưa hết, Ngài lại phải quay về phía nam, đến Tân-giả thuộc đất Nhương-dương, bảo đồ chúng rằng : năm nay tai họa, không có y cứ thì Chánh Pháp khó dựng, bèn bảo Pháp Thái qua Dương châu, Pháp hòa vào Thục, tự mình cùng các đồ đệ là Huệ-Viên vân vân, hơn 4 trăm người vượt qua đại giang». Tình trạng lưu ly lúc trung niên của Ngài Đạo An là thế. Khi về già hơi thành thời một chút ở Quan Trung thì lại lâm vào cảnh diệt vong của Phù Kiên. Vậy mà các Kinh Luận trọng yếu vẫn dịch thành trong lúc đại loạn này. « Thánh điển này thành tựu chính rong lúc và trong vòng vây của giặc giả, » lời tự kinh Tăng Nhất A Hàm của chính Ngài Đạo An viết. Thật là Ngài không vì hoạn nạn mà bỏ pháp sự vậy.

(2) Truyện chép : Ngài Đạo An đứng trước tượng đức Di Lặc Từ Tôn lập nguyện thề vàng sinh Tịnh độ Đầu Suất.

DỊCH THUẬT :

VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐẠO PHẬT

*Trích dịch trong cuốn « Le Dharma du Bouddha »
của Jagdish Kasyapa :*

MINH-CHÂU

1/ Ba tạng giáo điển trong đạo Phật đối với Phật tử không phải như cuốn Thánh-thư (Bible) đối với tín đồ đạo Thiên-chúa, cuốn Thánh kinh (Coran) đối với tín đồ Hồi-giáo, hay cuốn kinh Phê-đà (Védas) đối với người Ấn-độ.

2/ Một Phật tử không phải là nô lệ của ba tạng giáo điển, không phải nhắm mắt tin can, cho rằng ba tạng giáo điển là « chân lý tuyệt đối » do một vị Thần-linh phán ra hay là những giáo điều để tin ngưỡng.

3/ Đức Phật không đòi hỏi một tín nào hết đối với những hạng người thiếu lý đoán.

KINH KALAMAS

4/ Những người giòng họ Kalamas một hôm đến hỏi đức Phật rằng : Bạch Thế-Tôn ! Những người bà-la-môn và những người truyền giáo của các giáo phái khác đến giảng đạo cho chúng con và nói rằng chỉ có giáo lý của họ dạy mới là đúng với chân lý. Bạch đức Thế-Tôn ! Chúng con lấy làm phân vân, không hiểu nên theo bên nào và nên bỏ bên nào.

5/ Trả lời câu hỏi ấy, Đức Phật không nói rằng : Hãy tin ta, ta là con của một vị Thần-linh và ta sẽ đưa các người lên thiên đường. Đức Phật cũng không chỉ trích bài trừ những lời dạy của các giáo phái kia là phạm thượng và thuộc về ngụy giáo.

6/ Lời khuyên của đức Phật rất là nhân đạo và sáng suốt; Đức Phật dạy rằng: Đừng vội tin tưởng một điều gì và thường nghe nhắc nhở đến điều ấy luôn. Đừng tin tưởng một điều gì vì đó là một tập tục đã qua rồi của các thế hệ ngàn xưa để lại. Đừng tin những lời truyền khẩu hay bất cứ một điều gì mà người ta thường nói nhiều quá. Đừng tin tưởng điều gì đầu điều ấy được người ta đem bút tích của một vị thánh hiền xưa để xác nhận. Đừng tin tưởng bất cứ điều gì dù điều ấy được nhiều thiên kiến bình vực hay được một tập tục lâu đời khiến ta tin theo đó là thật. Đừng tin tưởng điều gì đầu điều ấy ở dưới uy tín của ông Thầy hay của các nhà truyền giáo.

« Tất cả những sự lý, theo kinh nghiệm riêng của người và sau khi được xác nhận rõ ràng phù hợp với lẽ phải, tạo thành hạnh phúc cho người và cho tất cả mọi loài, thì chính đó là Sự Thật và các người hãy cố gắng sống đúng theo Sự Thật ấy ».

7/ Vậy nên, chúng ta có thể nghiên cứu giáo lý của đức Phật, quin xét một cách bình tĩnh, sáng suốt, và công nhận những giáo lý ấy nếu nhận thấy là phù hợp với xu hướng sâu kín của mình, hay phải giữ thái độ hoài nghi để nghiệm xét nếu tự mình chưa có thể hiểu được. Đạo Phật không bắt buộc ai tin theo một cách mù quáng, bởi vì một lòng tin mù quáng, theo Phật giáo, là một trở ngại cho sự tiến bộ ở trên đường đời và đạo Phật. *Tinh thần đạo Phật là hoàn toàn duy lý (purement rationnel)*

.
.

14/ Đức Phật đã hiểu sự nguy hiểm ấy trong lời dạy sau này của Ngài: *« Nay các vị Tỷ Kheo, giáo lý của ta dạy cũng như chiếc bè đưa các người qua sông, chớ không phải là một vật sở hữu để các người nắm giữ ».*

13/ Giá trị chân thật của một tôn giáo cũng như sự ứng dụng của chiếc bè. Với một chiếc bè, chúng ta có thể qua một con sông. Chiếc bè sở dĩ có vì chúng ta cần dùng đến nó. Nếu chúng ta có một chiếc bè mà chúng ta không dùng để qua sông thì chiếc bè trở thành vô ích.

16/ Một tôn giáo đối với đời sống thiết dụng của chúng ta phải như là sự ứng dụng của chiếc bè. Tôn giáo phải hướng dẫn và qui định hành vi của chúng ta ở trong đời. Tôn giáo phải dạy cho chúng ta những điều nên làm và những điều cần hiểu biết. Nếu chúng ta không thật hành hay không suy tưởng theo thời tôn giáo không giúp ích chúng ta gì hết. Phật tử không phải là người có một tôn giáo là Phật Giáo mà phải là người sống theo những lời giảng dạy của Đức Phật.

Người ta thường nói rằng một tôn giáo thuộc sở hữu của một người khi nào tôn giáo ấy trở thành một tín điều (article de foi) đối với đời sống của người ấy, và khi nào phần chánh của cuộc đời phải dành riêng cho những sự lễ bái và tín ngưỡng. Một tôn giáo được hiểu như vậy, tự mất hết giá trị và trở thành một chương ngại vật. Sự suy tàn của các tôn giáo khác chỉ là vì những tín đó muốn xem các tôn giáo như là một vật sở hữu cần phải nắm giữ.

17/ Một tôn giáo dựa trên sự tín ngưỡng là nguyên nhân của tất cả sự đời bại, một tôn giáo hướng dẫn loài người đến chỗ giải thoát thanh tịnh là một tôn giáo chân chính.

18/ Đạo Phật không dựa trên nền tảng tín ngưỡng. Chúng ta không được gọi là Phật tử nếu chúng ta tin đức Phật như một vị thượng đế hay như là một vị cứu-tinh, vì như vậy là chúng ta bị rơi vào sự lỗi lầm cho tôn giáo là một vật sở hữu, trước khi phản bội với tinh thần duy lý

của đạo Phật. « Kinh nghiệm và thiết hành chứ không phải chỉ tin ngưỡng », đó chính là tinh thần chân chính của đức Phật trong khi truyền dạy giáo pháp của Ngài.

ĐỊA-VỊ CỦA ĐỨC PHẬT ĐỐI VỚI ĐẠO PHẬT NHƯ THẾ NÀO?

19/ Chính đức Phật dạy rằng : « Các vị Tỷ Kheo ! hãy theo ta như là một người hướng dẫn ».

Nếu chúng ta không theo con đường của người hướng dẫn, nhất định chúng ta sẽ bị lạc đường. Đó không phải là lỗi của người hướng dẫn. Người hướng dẫn chỉ có trách nhiệm chỉ đường ; nếu kẻ bộ hành không đi theo, thì sự giúp đỡ của người hướng dẫn không dùng làm gì. Cũng như vậy, đức Phật đã chỉ cho chúng ta con đường giải-thoát khỏi mọi sự đau khổ và đưa đến niết bàn. Còn chính tự quyền của chúng ta là có muốn theo hay không.

SỰ CÚNG DƯỜNG HƯƠNG HOA

-20/ Chúng ta kính trọng người hướng dẫn, đem hương hoa cúng dường, cúi đầu sát đất trước Người và lễ bái trước Người, nhưng nếu chúng ta không tự bắt buộc vâng theo lời Người dạy, thì chúng ta có thể đến đích được không. Chắc chắn không vậy. Cho nên, nếu chúng ta không hướng đời sống của chúng ta theo lời dạy của đức Bổn Sư, thì tất cả những sự cúng dường hương hoa và tất cả sự lễ bái không giúp chúng ta chút gì hết.

21/ Tôi không phải muốn nói rằng sự cúng dường hương hoa trước hình ảnh đức Phật là một sự vô ích hay trái với đạo Phật. Chính bổn phận của chúng ta là phải cúng dường vị Bổn-Sư chọn chánh của chúng ta. Nhưng vâng theo lời của vị Bổn-Sư là một việc mà tôn kính Người là một việc rất khác nhau. Một Phật tử không bao giờ đem hoa cúng dường với lòng hy vọng trẻ con rằng được đức

Phật gia ân và đưa lên Thiên-đường, nhưng một Phật tử cúng dường đức Phật là bởi lòng biết ơn vô tận đối với đức Bồn-sư hướng dẫn của mình.

CHẾ ĐỘ GIAI CẤP

22/ Đức Phật là người đầu tiên phản kháng chế độ giai cấp, một chế độ tồi bại làm chia rẽ loài người ra hai hạng sang hèn, hơn kém.

Chính đức Phật đã nói rằng : *« Một người sinh ra không phải thành liền một người Bà-La-Môn hay là một người Chiên-Đà-La, mà chính là vì sở hành của người ấy tạo thành một người Chiên-Đà-La hay là một người Bà-La-Môn. »*

Đức Phật nhận vào giáo-hội Tỳ-Kheo của Ngài những người của tất cả giai cấp và đủ mọi tín ngưỡng: thợ cạo, thợ rèn v.v... những vị nào chứng được quả A-La-Hán đều được tôn trọng cung kính trong giáo hội tăng già.

34/ Đạo Phật luôn luôn truyền dạy một sự khoan hòa rất rộng rãi và một sự tự do tư tưởng hoàn toàn. *Đạo Phật được truyền bá khắp nơi hoàn toàn không phải là nhờ súng đạn khói lửa, cũng không phải là nhờ ở một sự khủng bố, áp bức tàn sát nào, mà chính là nhờ ở giá trị chọn thật của tự nó và sự vô thượng của giáo pháp Phật dạy.*

DUY TRÍ - TUỆ LÀ SỰ - NGHIỆP

Kinh Bát đại nhân giác

NHỮNG MẪU CHUYỆN ĐẠO

MINH-CHÂU

Sau khi đức Phật thành đạo, Ngài liền đi thuyết pháp trong 49 năm, giáo hóa chúng sanh không lường kể. Ngài độ cho tất cả các hạng người, giàu nghèo sang hèn thông tuệ mê ám; tùy theo căn cơ quốc độ, Ngài dùng một phương tiện giáo hóa riêng, hướng dẫn mọi loài về với ánh sáng của giải thoát và giác ngộ. Dưới đây là vài mẫu chuyện nhỏ về phương tiện hóa độ của đức Phật, trong thời đức Phật còn ở đời.

1) Đức Phật giáo hóa vị Phạm-Chí

Một thời đức Phật ở nước Câu Diêm Ni tại tỉnh xá Mỹ-Âm. Lúc bấy giờ có vị đạo sĩ Phạm Chí, học rộng hiểu nhiều thông đạt hết thấy kinh thư. Vị Phạm-Chí sinh lòng kiêu mạng tự đắc, cho rằng đời này không ai có thể biện bác hơn mình. Ông liền cầm một bó đuốc sáng đi giữa chợ phố, có người hỏi thì vị Phạm Chí trả lời : «Ở đời này toàn kẻ ngu si tối tăm không có mắt. Ta phải cầm đuốc soi sáng cho. Ta thấy ở đời không người nào xứng đáng nói chuyện với ta cả». Đức Phật biết vị Phạm Chí là người có túc phước, rất đáng giáo hóa, chỉ vì lòng kiêu mạng, không biết đến nạn vô thường, nên có thể bị lạc vào địa ngục Thái sơn, trải qua nhiều kiếp khó lòng tránh

khỏi. Đức Phật bèn dùng hình dạng một người hiền đức ngồi giữa phố kêu ông Phạm Chí mà nói rằng : « Ông làm gì mà cầm đuốc giữa ban ngày như vậy ? » Vị Phạm-Chí đáp : « Tôi thấy chúng sanh đui mù ngày đêm không thấy ánh sáng, nên tôi cầm đuốc soi sáng cho họ. » Vị hiền đức lại hỏi « Ở đời có 4 món minh-pháp, ông có biết không ? » Vị Phạm chí trả lời không biết. Vị hiền đức liền nói rằng :

« Bốn món minh pháp là :

1/ Rõ được thiên văn địa lý điều hòa với bốn mùa ;

2/ Rõ tinh tú phân biệt ngũ hành ;

3/ Rõ được phép trị nước, giáo hóa có phương pháp ;

4/ Rõ được pháp dụng binh, không trận nào thua.

Ông tự xưng là bậc phạm-Chí vậy ông có biết 4 minh pháp ấy không ? Vị Phạm-chí lấy làm xấu hổ, quăng đuốc chấp tay, tự thẹn sự kém cỏi của mình.

Đức Phật hiểu được tâm ý của vị Phạm Chí, dùng tại thân tướng đoan nghiêm, hào quang chói sáng và thuyết bài kệ rằng :

Nếu được học hiểu nhiều ít

Tự cao khinh thị mọi người,

Không khác người mù cầm đuốc

Soi người không tự sáng mình.

Phật thuyết bài kệ xong, bảo ông Phạm Chí rằng : « Thật không ai quá ngu hơn ông, dám cả gan cầm đuốc đi giữa ban ngày. Sự học hiểu của Ông chẳng qua cũng như một hạt bụi giữa bãi sa-mạc mà thôi ». Ông Phạm-Chí nghe nói, lấy làm xấu hổ, cúi đầu đánh lễ, xin làm vị đệ tử. Đức Phật cho làm vị Sa-Môn, tu học tinh tấn, ý giải vọng trừ, chứng được bậc ứng chơn.

Trích dịch trong kinh Pháp Cú thí dụ

II) Đức Phật độ cho người gánh phân

Thành Xá Vệ có một người Chiên đà la, sống về nghề đồ phân. Một hôm đức Phật gặp đi giữa đường, bèn kêu lại. Người đồ phân thưa rằng: « Con là người gánh phân ô uế không sạch, không dám lại gần Ngài » Đức Phật nói rằng: « Ta nay muốn cứu độ cho ngươi. » Rồi đức Phật tự thân dắt người gánh phân xuống sông Hằng tắm rửa sạch sẽ, và đưa về Tinh xá Kỳ Hoàn cho xuất gia, làm vị Sa Môn. người gánh phân thành ra tinh tấn, cần khổ chuyên tâm, nên chưa đầy một tuần chứng quả A La Hán, thần thông tự tại. Lúc bấy giờ vua trong nước nghe tin đức Phật độ cho một người Chiên đà la, lấy làm bất mãn, cho rằng làm như vậy ô nhục hàng Sa Môn, và làm khó khăn sự kính lễ của các hàng Vua chúa, liền đến Tinh Xá đề trách thiện đức Phật. Khi đến chỗ Phật ở thì thấy một vị Sa Môn uy nghi đức hạnh, ngồi thuyên trên một tấm đá, hiện nhiều thần thông kỳ diệu. Vừa lễ Phật và bạch rằng Bạch Thế Tôn! vị Sa Môn kia danh hiệu là gì, sao lại có nhiên thần thông như vậy? Đức Phật bảo rằng: Đó là người gánh phân, nhờ công hạnh tinh tấn nên chứng được quả A La Hán. Rồi đức Phật dùng thí dụ cho vua rõ rằng: « Như ở trong bùn giời bần, có nở một hoa sen thơm ngát, vậy Bệ Hạ là người có mắt, Bệ Hạ có hái lấy bó hoa kia không? Vua đáp; « Đóa hoa tuy mọc trong bùn lầy mà thơm ngát hương quý, rất nên dùng để trang sức Còn bùn lầy như bần kia thì nên quán xem như là bào thai của bà mẹ, chính tự trong bào thai mà sanh nở đóa hoa công đức. »

Lúc bấy giờ Vua lại bạch Phật rằng: « Vị A La Hán trước làm nghề đồ phân, nay công quả tu hành viên mãn

chúng được những quả đức bất khả tư nghị, Trăm nay xin nguyện luôn luôn cúng dường mọi món cần thiết không dám hề thiếu thốn.

Trích Kinh luật dị tướng.

III) Đứa trẻ dùng đất dựng đức Phật

Một thời đức Phật cùng ông A Nan vào thành khất thực, giữa đường gặp một bọn trẻ đang dùng đất làm nhà làm vựa đựng lúa và dùng đất làm gạo, chúng vui chơi đùa với nhau. Một đứa trẻ thấy đức Phật, liền lấy trong vựa lúa một ít đất làm gạo đem dựng cúng đức Phật. Đức Phật thọ lãnh đất ấy và biểu ông A Nan đem về trét nơi nền nhà Phật ở và bảo ông A Nan rằng : « Đứa con nít này có tâm hoan hỷ cúng dường đất, sẽ nhờ công đức này đến 100 năm sau khi ta nhập diệt, sẽ sanh làm vị quốc vương tên là A Du Ca. Vua A Du Ca sẽ là một vị hộ pháp danh tiếng lừng lẫy khắp cõi Diêm phù đề, tôn sùng Tam Bảo, và phân chia xá-lợi của đức Phật khắp nơi và tự mình xây dựng 8 vạn 4 ngàn ngàn tháp để cúng dường Phật ». Ông A Nan bạch Phật rằng : « Vì sao đứa con nít kia chỉ bố thí một chút đất mà phước báo tạo tháp nhiều như vậy để cúng dường Phật ». Phật bảo rằng : « Xưa có vị quốc vương tên là Ba Tắc Kỳ ra đời đồng thời với đức Phật Phất-Sa. Vua luôn luôn được cúng dường đức Phật, liền nghĩ đến các nhân dân ở gần biên thù không được phước chiêm ngưỡng Tam Bảo, bèn thỉnh vẽ 8 vạn 4 ngàn bức họa đức Phật, truyền khắp cho nhân dân. Nhờ công đức ấy mà sau được phước báo xây 8 vạn 4 ngàn ngàn tháp cúng dường đức Phật.

Kinh Hiền Ngụ.

MỘT ĐỜI LUỐNG QUA

CHỈ KẾT LIỄU TRONG ÁN HẠN

Kinh Di-Giáo

THƯ TÍN

L.T.S. Chúng tôi trích đăng những câu hỏi của đạo hữu Nguyễn-Thế-Long và lời giải đáp sơ lược của chúng tôi để đọc giả cùng rõ.

Hỏi : Tụng kinh để làm gì ?

Đáp : Để đọc lại những lời vàng của Đức Phật, để phản chiếu lại tâm tánh của mình, mà sửa đổi thực hành theo. Tụng kinh lại còn giúp ta suy nghiệm sự thật của vạn hữu, vì trong đó đức Phật chỉ dạy những thật ấy một cách tỷ mỷ.

Hỏi : Niệm Phật để làm gì.

Đáp : Để tưởng nhớ đến đức Phật : hiện thân của các đức tánh đại từ, đại bi, đại hùng, đại lực. Tưởng nhớ như vậy là để huấn tập cho ta cũng thành tựu được những đức tính ấy.

Hỏi : Đạo Phật bảo xác thịt của chúng ta do tứ đại hợp thành, vậy linh hồn bởi đâu mà có ?

Đáp : Đạo Phật nói sinh mệnh của chúng ta là **sự hóa hợp của vật lý và tâm lý**. Đối với sự vật, mà trong đó thân tâm con người là một, Đạo Phật chỉ phân tích cắt nghĩa. Còn « từ đâu mà có » đó là ông muốn hỏi đến cái « nguyên nhân đầu tiên ». Đạo Phật bảo cái nguyên nhân ấy không có. Nói nguyên nhân đầu tiên là « hý luận », nghĩa là một vấn đề đặt sai vấn đề rồi.

Hỏi : Tại sao phải ăn chay những ngày như 8, 14, 15, 23, 29, 30, hay những ngày 15, 1, mà không ăn chay những ngày khác được ?

Đáp : Đạo Phật dạy ăn chay vì mục đích « tôn trọng sự sống ». Vậy ăn chay là điều tất nhiên của cả mọi người, mọi loài. Có điều không ăn luôn luôn được thì mỗi tháng ăn 10 ngày hay tối thiểu là 2 ngày. Chỉ có thể thôi, không có ý gì khác.

Hỏi : Chữ Tu trong Đạo Phật như thế nào ?

Đáp : Nghĩa là sửa đổi hành vi, tiến hóa mới mẻ mãi mãi cho đến khi trong thì tâm trí sáng suốt, ngoài thì đời sống an lạc.

Hỏi : Một trong 5 giới của Đạo Phật dạy rằng « không được nói dối, » thì ví dụ một kẻ thù của cha một người con theo Đạo Phật kia đến hỏi rằng : « cha mày có nhà không ». Sự thật người cha có nhà. Vậy người con theo Đạo Phật trả lời ra sao ?

Đáp : Trường hợp ông thí dụ đó nó không phải vọng ngữ. Vọng ngữ là nói dối trá, nói thêu dệt, nói ly gián, nói thô ác, mà tất cả thứ này biểu lộ của tâm độc ác hại người kia. Còn nói sai sự thật để cứu người, hay vì một mục đích lợi ích chính đáng, thì đó là phương tiện, vì chính ý người nói không phải ở lời nói mà ở mục đích lợi ích.

Hỏi : Một trong năm giới Đạo Phật dạy rằng « không được sát sinh ». Ví như một nước kia bị nước khác xâm lăng. Vậy những người tin Phật giáo nước ấy đánh hay chịu nhục ?

Đáp : Ông muốn sống, tôi muốn sống, mọi người muốn sống, muôn loài muốn sống, vậy tuyệt đối không có lý do gì tôi có quyền xâm phạm sự sống của ông, hay ông có quyền xâm phạm sự sống của tôi. Nếu tôi có quyền xâm phạm sự sống của người được, thì dĩ nhiên tôi phải thừa sự xâm phạm sự sống của người khác đối với tôi cũng không trái lẽ. Đạo Phật chế giới « không được sát sinh » là chính vì mục đích tôn trọng sự sống ấy. Cho nên « không được sát sinh » là cái luật của sự sống, muốn sống thì không được xâm phạm sự sống. Nếu giết sự để nuôi sự sống thì rồi sẽ phải đem sự sống đền trả sự sống.

Tuy nhiên, giới « không được sát sinh » là đức Phật bắt buộc mọi người tôn trọng sự sống của nhau, và chỉ ở trường hợp này mà thôi. Trái lại ở trường hợp ông hỏi đó thì tức là sự sống (theo nghĩa rộng rãi) của ông bị xâm phạm, thì tất nhiên ông có quyền tự vệ và có quyền tự vệ bằng đủ mọi cách. Nhưng trong mọi cách ấy, đối với người Phật tử **tôn trọng sự sống** dù chính là của kẻ thù, thì tất nhiên nếu phải dùng đến cách « dĩ sát chi sát » cũng là điều bất đắc dĩ nhất nếu không có cách gì hơn.

Tin tức

TỔNG TRỊ SỰ.— 1) Đã tái bản NGHỊ THỨC TỤNG NIỆM lần thứ 3 và đã phát hành di các Tỉnh Hội và Chi Hội.

2) Tổng Hội Đồng thường niên của Tổng Hội Việt-nam Phật Học định vào ngày 4 và 5 tháng 12 năm 1949 (tức là ngày 13, 16 tháng 10 Kỷ Sửu) tại chùa Hội Quán Từ Đàm (4-12-49) và Tổng Hội Quán (1B đường Nguyễn-Hoàng ngày 5-12-49).

QUẢNG TRỊ.— 1) Toàn thể hội viên tỉnh hội Quảng Trị phát nguyện chú một ngôi tượng đức Bổn-Sư Thế-Tôn ngồi cao một thước, pho thạc P.T.S. lên cột tại Tổng Hội quán, đã cáo thành rất viên mãn. Lễ rớt đồng sẽ cử hành một ngày gần đây.

2) Đã rước Thầy Giảng sư ĐÓN HẬU rằm lễ quy-y ngày 13 tháng 9 năm Kỷ-Sửu cho 461 Hội viên tại chùa Hội Quán Tỉnh Hội ấy.

THỪA THIÊN.— Đại Hội Đồng thường niên tỉnh hội ấy nhóm vào ngày 4-12-49.

QUẢNG NAM.— Đã thỉnh lại được Đại hồng chung của chi hội Vĩnh Điện bị thất lạc trong lúc biến chuyển.

BAN PHÁT HÀNH VĂN HÓA.— Yêu cầu các Tỉnh hội Chi hội khuôn tịnh độ, và tư gia nào có nhận phát hành hoặc thỉnh kinh sách chưa trả tiền thì xin gởi gấp cho ban chúng tôi tiện việc thanh toán sổ sách cuối năm.